

Số : 04 /2024/NTW-CBTT

Nhơn Trạch, Ngày 02 tháng 05 năm 2024

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 04/2024

- Tổng số mẫu nhóm thông số A : 04 mẫu
- Tổng số mẫu nhóm thông số B : 03 mẫu
- Chỉ tiêu thông số nhóm A : 08 chỉ tiêu
- Chỉ tiêu thông số nhóm B : 91 chỉ tiêu

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	Thông số nhóm A (mẫu)	Thông số nhóm B (mẫu)	Kết quả thông số nhóm A		Kết quả thông số nhóm B		Các chỉ tiêu không đạt
				Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
KCN Nhơn Trạch	Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch	01		100%	/	100%	/	0
Tại Trạm Đại Phước (Đầu nguồn)		01	01	100%	/	100%	/	0
Tại KV Tái định Cư Đại Lộc (Giữa nguồn)		01	01	100%	/	100%	/	0
Tại Khu vực ấp Cát Lái (Cuối nguồn)		01	01	100%	/	100%	/	0

- Kết luận: Chất lượng nước tại trạm bơm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Trần trọng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lương Thắng

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬTCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 746 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 00746.24

Trang : 1/2

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 11/04/2024
Ngày trả kết quả : 24/04/2024
Địa điểm lấy mẫu : Trạm bơm Đại Phước
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 22 tháng 04 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Hòa



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00746.24	Trang: 2/2
---------------------	------------

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Escherichia coli*	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	11/04/2024
2	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	11/04/2024
3	Clo dư tự do	Chlorine test	0,34 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	11/04/2024
4	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2 NTU	11/04/2024
5	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	15/04/2024
6	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	11/04/2024
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 - 8,5	11/04/2024
8	Arsenic (As)	US.EPA Methos 6020B	0,93 µg/l	≤ 0,01mg/l (10µg/l)	11/04/2024

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

- Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
 - (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.



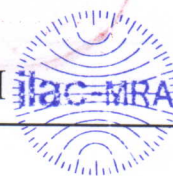
Đã kiểm tra

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 745 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 00745.24

Trang : 1/2

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước sinh hoạt
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 11/04/2024
Ngày trả kết quả : 24/04/2024
Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 4 - KTĐC Đại Lộc
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 22 tháng 04 năm 2024
GIÁM ĐỐC




Trần Minh Hòa



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00745.24	Trang : 2/2
---------------------	-------------

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Escherichia coli*	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	11/04/2024
2	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	11/04/2024
3	Clo dư tự do	Chlorine test	0,26 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	11/04/2024
4	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2 NTU	11/04/2024
5	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	15/04/2024
6	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	11/04/2024
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,72	6,0 - 8,5	11/04/2024
8	Arsenic (As)	US.EPA Methos 6020B	0,66 µg/l	≤ 0,01mg/l (10µg/l)	11/04/2024

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.



Chức vụ và họ tên

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 744/KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 00744.24

Trang: 1/2

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 11/04/2024
Ngày trả kết quả : 24/04/2024
Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 2 - xã Phú Hữu
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 22 tháng 04 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Hòa

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Mã số mẫu: 00744.24	Trang : 2/2
---------------------	-------------

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	11/04/2024
2	<i>Coliform tổng số</i> *	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	11/04/2024
3	Clo dư tự do	Chlorine test	0,29 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	11/04/2024
4	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2 NTU	11/04/2024
5	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	15/04/2024
6	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	11/04/2024
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 - 8,5	11/04/2024
8	Arsenic (As)	US.EPA Methos 6020B	0,60 µg/l	≤ 0,01mg/l (10µg/l)	11/04/2024

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.



Trần Anh Tuấn

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 743 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 00743.24	Trang : 1/2
---------------------	-------------

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước sinh hoạt
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 11/04/2024
Ngày trả kết quả : 24/04/2024
Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 15 - Ngã tư Tín Nghĩa - KCN Nhơn Trạch
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 22 tháng 04 năm 2024.
GIÁM ĐỐC



Trần Minh Hòa



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00743.24

Trang: 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	11/04/2024
2	<i>Coliform tổng số</i> *	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	11/04/2024
3	Clo dư tự do	Chlorine test	0,50 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	11/04/2024
4	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2 NTU	11/04/2024
5	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	15/04/2024
6	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	11/04/2024
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,99	6,0 - 8,5	11/04/2024
8	Arsenic (As)	US.EPA Methos 6020B	0,54 µg/l	≤ 0,01mg/l (10µg/l)	11/04/2024

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.



Trang/ Page No: 1/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 003011821.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/03/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 14/03/2024 - 20/03/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : MẪU NƯỚC LỌC BƯU ĐIỆN PHÚ HỮU (CUỐI NGUỒN)
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10
2	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
3	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
4	Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
5	Trifluralin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
6	Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
7	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
8	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
9	Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
10	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 003011821.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
11	1,2-Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
12	2,4-DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	90
13	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
14	Dichlorprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-109:2022	100
15	Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
16	Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
17	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	6
18	Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	10
19	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
20	Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	20
21	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
22	Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
23	MCPA (4-Chloro-2- methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
24	DDT (tổng p,p'-DDT; o,p'- DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)/ DDT (sum p,p'-DDT; o,p'- DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	1
25	2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	30

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 003011821.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
26	Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
27	Bromoform (*)	1.78	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
28	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
29	Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
30	Dichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
31	Dichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	50
32	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
33	Acrylamide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
34	Epichlorohydrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4
35	Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.03	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
36	1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
37	Xylene (tổng các đồng phân) (*)/ Xylene (sum of isomer) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
38	Toluene (*)	16.6	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 003011821.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
39	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
40	Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
41	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3
42	Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
43	Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
44	Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
45	1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30
46	1,1,1-Trichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
47	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
48	2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
49	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
50	Trichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
51	Formaldehyde (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152:2022	900

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 5/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 003011821.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
52	Chlordane (tổng đồng phân cis- và trans-) (*)/ Chlordane (sum of cis- and trans-isomers) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	0.2
53	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
54	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*)/ Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-15:2020	100
55	Bromate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
56	Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
57	Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	200
58	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
59	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	SMEWW 9213 B:2023	< 1
60	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	133	mg/L	-	SMEWW 4500 (Cl ⁻) B:2023	250 (hoặc 300)
61	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	293	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
62	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	0.148	mg/L	0.015	SMEWW 4500 (F ⁻) D:2023	1.5
63	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
64	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Vết 2.27 (< LOQ = 3.00)	mg/L	1	SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023	250
65	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 6/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 003011821.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
66	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	102	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
67	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
68	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
69	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
70	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
71	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	0.084	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
72	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	75.2	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
73	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
74	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Vết 0.008 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
75	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
76	Cyanua (CN ⁻)/ Cyanide (CN ⁻)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
77	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 7/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 003011821.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
78	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	1.66	mg/L	-	SMEWW 4500 (NO ₃ ⁻) E:2023	2
79	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
80	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
81	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1
82	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
83	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
84	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
85	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.104	mg/L	-	TS-KT-QP-51:2022	0.7
86	Selen (Se) (*)/ Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
87	Antimon (Sb) (*)/ Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.02
88	1,3-Dichloropropene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
89	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3
90	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2
91	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1

[Signature]

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 8/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 003011821.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 002011820.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 14/03/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 14/03/2024 - 20/03/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **MẪU NƯỚC LỌC TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI LỘC (GIỮA NGUỒN)**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10
2	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
3	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
4	Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
5	Trifluralin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
6	Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
7	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
8	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
9	Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
10	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 002011820.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
11	1,2-Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
12	2,4-DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	90
13	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
14	Dichlorprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-109:2022	100
15	Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
16	Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
17	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	6
18	Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	10
19	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
20	Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	20
21	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
22	Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
23	MCPA (4-Chloro-2- methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
24	DDT (tổng p,p'-DDT; o,p'- DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)/ DDT (sum p,p'-DDT; o,p'- DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	1
25	2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	30

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 002011820.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
26	Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
27	Bromoform (*)	1.86	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
28	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
29	Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
30	Dichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
31	Dichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	50
32	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
33	Acrylamide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
34	Epichlorohydrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4
35	Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.03	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
36	1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
37	Xylene (tổng các đồng phân) (*)/ Xylene (sum of isomer) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
38	Toluene (*)	15.5	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 002011820.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
39	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
40	Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
41	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3
42	Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
43	Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
44	Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
45	1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30
46	1,1,1-Trichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
47	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
48	2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
49	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
50	Trichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
51	Formaldehyde (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152:2022	900

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 5/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 002011820.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
52	Chlordane (tổng đồng phân cis- và trans-) (*)/ Chlordane (sum of cis- and trans-isomers) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	0.2
53	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
54	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*)/ Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-15:2020	100
55	Bromate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
56	Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
57	Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	200
58	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
59	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	SMEWW 9213 B:2023	< 1
60	Clorua (Cl-) (*)/ Chloride (Cl-) (*)	147	mg/L	-	SMEWW 4500 (Cl-) B:2023	250 (hoặc 300)
61	Tổng chất rắn hoà tan. (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	296	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
62	Fluorua (F-) (*)/ Fluoride (F-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	SMEWW 4500 (F-) D:2023	1.5
63	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
64	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Vết 1.79 (< LOQ = 3.00)	mg/L	1	SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023	250
65	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 6/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 002011820.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
66	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	90.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
67	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
68	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
69	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
70	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
71	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	0.083	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
72	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	70.0	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
73	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
74	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Vết 0.008 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
75	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
76	Cyanua (CN ⁻)/ Cyanide (CN ⁻)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
77	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 7/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 002011820.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
78	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	1.26	mg/L	-	SMEWW 4500 (NO ₃ ⁻) E:2023	2
79	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
80	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
81	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1
82	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
83	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
84	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
85	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.103	mg/L	-	TS-KT-QP-51:2022	0.7
86	Selen (Se) (*)/ Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
87	Antimon (Sb) (*)/ Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.02
88	1,3-Dichloropropene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
89	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3
90	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2
91	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1

[Handwritten signature]

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 8/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 002011820.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 001011819.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 14/03/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 14/03/2024 - 20/03/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : MẪU NƯỚC LỌC TRẠM ĐẠI PHƯỚC (ĐẦU NGUỒN)
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10
2	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
3	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
4	Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
5	Trifluralin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
6	Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
7	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
8	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
9	Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
10	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 001011819.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
11	1,2-Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
12	2,4-DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	90
13	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
14	Dichlorprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-109:2022	100
15	Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
16	Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
17	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	6
18	Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	10
19	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
20	Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	20
21	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
22	Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
23	MCPA (4-Chloro-2- methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
24	DDT (tổng p,p'-DDT; o,p'- DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)/ DDT (sum p,p'-DDT; o,p'- DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	1
25	2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	30

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 001011819.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
26	Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
27	Bromoform (*)	2.36	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
28	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
29	Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
30	Dichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
31	Dichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	50
32	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
33	Acrylamide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
34	Epichlorohydrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4
35	Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.03	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
36	1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
37	Xylene (tổng các đồng phân) (*)/ Xylene (sum of isomer) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
38	Toluene (*)	16.2	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 001011819.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
39	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
40	Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
41	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3
42	Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
43	Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
44	Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
45	1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30
46	1,1,1-Trichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
47	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
48	2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
49	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
50	Trichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
51	Formaldehyde (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152:2022	900

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 5/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 001011819.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
52	Chlordane (tổng đồng phân cis- và trans- (*)/ Chlordane (sum of cis- and trans-isomers) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	0.2
53	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
54	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*)/ Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-15:2020	100
55	Bromate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
56	Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
57	Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	200
58	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
59	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	SMEWW 9213 B:2023	< 1
60	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	145	mg/L	-	SMEWW 4500 (Cl ⁻) B:2023	250 (hoặc 300)
61	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	296	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
62	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	SMEWW 4500 (F ⁻) D:2023	1.5
63	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
64	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Vết 2.30 (< LOQ = 3.00)	mg/L	1	SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023	250
65	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 6/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 001011819.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
66	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	104	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
67	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
68	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
69	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
70	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
71	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	0.081	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
72	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	68.7	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
73	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
74	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Vết 0.008 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
75	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
76	Cyanua (CN ⁻)/ Cyanide (CN ⁻)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
77	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 7/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

Mã KQ/ RP. No: 001011819.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
78	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	1.72	mg/L	-	SMEWW 4500 (NO ₃) E:2023	2
79	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
80	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
81	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1
82	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
83	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
84	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
85	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.108	mg/L	-	TS-KT-QP-51:2022	0.7
86	Selen (Se) (*)/ Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
87	Antimon (Sb) (*)/ Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.02
88	1,3-Dichloropropene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
89	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3
90	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2
91	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 8/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y226C0983

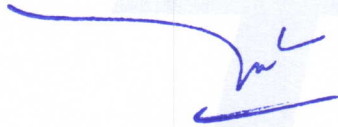
Mã KQ/ RP. No: 001011819.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYNH TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04